

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2018/DS-ST.

Ngày: 09-11-2018.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Mỹ H, sinh năm 1956

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy Vân- Văn phòng luật sư Lê Thùy Vân- Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 và ông Trần Hoàng Tr, sinh năm 1970

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà H có mặt, bà T và ông Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 2 âm lịch năm 2016 đến tháng 3 âm lịch năm 2017, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hoàng Tr có vay tiền của bà H nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 25/02/2016 âm lịch vay số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng với lãi suất 2%/tháng. Bà T có viết Biên nhận mượn tiền đề ngày 25/02/2016 âm lịch và có ký vào Biên nhận này. Sau khi vay tiền, vợ chồng bà T chỉ trả lãi cho bà H đến hết tháng 12/2016 âm lịch. Sau đó thì không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

- Ngày 05/4/2016 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 10 tháng với lãi suất 2%/tháng. Bà T có viết Biên nhận mượn tiền đề ngày 05/4/2016 âm lịch và có ký vào Biên nhận này. Sau khi vay số tiền này thì vợ chồng bà T chỉ trả lãi cho bà H đến hết tháng 12/2016 âm lịch. Sau đó thì không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

- Ngày 25/5/2016 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm với lãi suất 2%/tháng. Bà T có viết Biên nhận mượn tiền đề ngày 25/5/2016 âm lịch và có ký vào Biên nhận này. Sau khi vay số tiền này thì vợ chồng bà T chỉ trả lãi cho bà H hết tháng 12/2016 âm lịch. Sau đó thì không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

- Ngày 19/9/2016 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay 140.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 2%/tháng. Lúc cho vay thì vợ chồng bà T không làm biên nhận. Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T chỉ trả lãi cho bà H đến hết tháng 12/2016 âm lịch. Sau đó thì không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

- Ngày 20/11/2016 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 32.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 2%/tháng. Lúc cho Vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và vợ chồng bà T không có làm biên nhận. Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T chỉ trả lãi cho bà H đến hết tháng 12/2016 âm lịch. Sau đó thì không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

- Ngày 16/12/2016 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay Số tiền 120.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 2%/tháng. Lúc cho vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và vợ chồng bà T không có làm biên nhận. Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T chỉ trả lãi cho bà H đến hết tháng 12/2016 âm lịch. Sau đó thì không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

Đến ngày 29/12/2016 âm lịch, bà H có yêu cầu và bà T đã viết cho bà H Biên nhận đã vay của bà H số tiền 140.000.000 đồng vào ngày 19/9/2016 + 32.000.000 đồng vào ngày 20/11/2016 + 120.000.000 đồng vào ngày 16/12/2016.

- Ngày 14/02/2017 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 31.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 5%/tháng. Lúc cho vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và vợ chồng bà T không có làm biên nhận. Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T có trả được cho bà H 12.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 19.000.000 đồng.

- Ngày 19/02/2017 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 15.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 5%/tháng. Lúc cho vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và vợ chồng bà T không có làm biên nhận. Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T có trả được 4.500.000 đồng tiền vốn cho bà H, còn nợ lại 10.500.000 đồng.

- Ngày 24/02/2017 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với _lãi suất 5%7tháng. Lúc cho vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và vợ chồng bà T không có làm biên nhận. sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T có trả được 2.000.0000 đồng tiền vốn cho bà H, còn nợ lại.

- Ngày 06/3/2017 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 11.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 5%/tháng.

Lúc cho vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và vợ chồng bà T không Có làm biên nhận. Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

- Ngày 05/3/2017 âm lịch bà H cho vợ chồng bà T vay số tiền 30.000.000 đồng trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 5%/tháng. vợ chồng bà T có trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng.

Lúc cho vợ chồng bà T vay số tiền này thì giữa bà H và bà T có làm Biên nhận (trong Biên nhận này thì bà T cũng xác nhận có vay của bà H số tiền 31.000.000 đồng vào ngày 14/02/2017 âm lịch + số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 19/02/2017 âm lịch + số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 24/02/2017 âm lịch + số tiền 11.000.000 đồng vào ngày 06/3/2017 âm lịch). Và Sau khi vay của bà H số tiền này thì vợ chồng bà T không trả lãi cũng không trả vốn cho bà H.

Tổng số tiền bà T ông Tr đã vay của bà H là: 472.500.000 đồng.

Bà H đã nhiều lần đến nhà bà T ông Tr yêu cầu trả số tiền 494.000.000đồng đã vay của bà H nhưng cho đến nay bà T ông Tr vẫn không trả cho bà H cả tiền lãi lẫn tiền vốn.

Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr liên đới trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ gốc là 494.000.000đồng và không yêu cầu bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 494.000.000đồng nói trên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa

xét xử nhưng bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr có nơi cư trú tại thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr đã được tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr.

[2] Về nội dung:

Từ tháng 2 âm lịch năm 2016 đến tháng 3 âm lịch năm 2017, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Hoàng Tr có vay tiền của bà H nhiều lần. Tại phiên tòa, bà H cung cấp 05 bản chính biên nhận của các khoản nợ: Ngày 20/11/2016 số tiền 32.000.000 đồng; Ngày 05/4/2016 số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 25/5/2016 âm lịch số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 19/9/2016 âm lịch 140.000.000 đồng; Ngày 20/11/2016 âm lịch số tiền 32.000.000 đồng; Ngày 16/12/2016 âm lịch Số tiền 120.000.000 đồng; Ngày 14/02/2017 âm lịch số tiền 31.000.000 đồng; Ngày 19/02/2017 âm lịch số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 24/02/2017 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 06/3/2017 âm lịch 11.000.000 đồng. Tổng cộng là 494.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre cũng đã nhiều lần tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr và bà Lưu Thị Mỹ H tH lượng về các khoản nợ cũng như pH án trả nợ nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre không thể tiến hành hòa giải được.

Tại đơn khởi kiện, bà Lưu Thị Mỹ H yêu cầu buộc bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền 494.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà đồng ý trừ lại số tiền 21.500.000 đồng mà bà T và ông Tr đã trả lại cho bà vào số nợ gốc. Việc rút yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 21.500.000 đồng.

Sau khi xem xét các biên nhận nợ do bà H cung cấp, Hội đồng xét xử thấy các bản chính biên nhận nợ thể hiện nội dung đúng như bà H trình bày. Sau khi khấu trừ số tiền 21.500.000 đồng vào số nợ gốc thì hiện tại bà T và ông Tr còn nợ bà H số tiền 472.500.000 đồng. Tuy các biên nhận nêu trên đều do bà T trực tiếp ký, ông Tr là

chồng của bà T không ký tên vào các biên nhận nợ nhưng những biên nhận này có nội dung thể hiện mục đích vay tiền của bà T là để làm ăn, vì vậy căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Tr phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do bà T thực hiện.

Từ những cơ sở nêu trên thì việc khởi kiện của bà H yêu cầu bà T, ông Tr chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền 472.500.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận việc Bà Lưu Thị Mỹ H không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr phải chịu án theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 149, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Mỹ H: Buộc bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lưu Thị Mỹ H số tiền 472.500.000 (bốn trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thanh T và ông Trần Hoàng Tr phải chịu là 22.900.000 (hai mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng.

Chỉ cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Lưu Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí là 11.880.000 (mười một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn) đồng theo biên lai số 0019660 ngày 12/9/2018 của Chỉ cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chỉ cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi